

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày 09-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Thùy

Ông Nguyễn Sơn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Bùi Minh K, sinh ngày 04-12-1988 tại huyện M, Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm X Doan N, xã A, huyện M, Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký tạm trú ở chỗ ở: Đường số X khu đô thị N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn và xuất nhập khẩu B; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Trần Thị R; có vợ Hoàng Hồng V và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15-12-2023; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1985, địa chỉ: Số 102 đường T, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. Chị Dương Thanh T, sinh năm: 1998, địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 45 phút ngày 10/10/2023, tại Quốc lộ 1A thuộc địa phận thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, tổ công tác đội Q số 6 thuộc Cục Q tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra xe ô tô đầu kéo BKS 98H - 016.70 kéo theo rơ moóc BKS 98R - 023.85 đang đỗ ở cạnh đường do Đỗ Văn H, sinh năm 1996, trú tại thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang điều khiển. Quá trình kiểm tra phát hiện trên xe vận chuyển 30.015 kg ống thép không gỉ được nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam, nhưng lái xe chỉ xuất trình được 01 bộ tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 105778252420 đăng ký ngày 10/10/2023 tại Chi cục H, ghi khối lượng hàng hóa nhập khẩu là 15.015 kg ống thép không gỉ, còn 15.000 kg ống thép không gỉ không có hóa đơn, chứng từ; tờ khai được đăng ký bởi Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu B (Công ty B) địa chỉ đường B, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do Bùi Minh K, sinh năm 1988, trú tại Xóm X Đoan N, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc và tạm giữ phương tiện, tang vật để kiểm tra, xác minh. Vụ việc đã được Cục Q tỉnh Lạng Sơn chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để thụ lý, giải quyết theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3525/KL-HĐ ĐGTS ngày 24/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn xác định: 15.000 kg ống thép không gỉ, dùng làm nguyên liệu sản xuất khớp nối, ký hiệu TP316L, kích thước đường kính ngoài: 19,1 mm +/-10%, dài 6020 mm +/- 10% mới 100%, xuất xứ Trung Quốc có giá trị 499.537.500 đồng.

Quá trình điều tra xác định:

Ngày 20/9/2023, Nguyễn Minh S, sinh năm 1985, trú tại đường T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội thông qua mạng xã hội Wechat đặt mua 30.015 kg ống thép không gỉ dùng làm nguyên liệu sản xuất khớp nối, ký hiệu TP316L, KT: 19,1 mm +/-10% dài 6020 mm +/-10% với một người đàn ông Trung Quốc có tên là A Minh (không biết thông tin, địa chỉ) với giá 1,25 USD/1kg, đến ngày 25/9/2023 Sơn ký hợp đồng thuê Bùi Minh K, là Giám đốc Công ty B làm dịch vụ nhập khẩu và vận chuyển lô hàng trên từ Trung Quốc về trang trại N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội với giá 3.800 VNĐ/kg x 30.015 kg = 114.057.000 đồng (gồm cả tiền thuế và các khoản chi phí). Sau khi thống nhất với các bên, Sơn cho địa chỉ Wechat của A Minh để K tự liên hệ với A Minh trao đổi thời gian, địa điểm và thủ tục giao nhận hàng. Sau đó, K tự tính toán với mức phí trên nếu làm thủ tục nhập khẩu theo đúng quy định thì lợi nhuận sẽ thấp, nên K đã liên lạc với A Minh trao đổi và thống nhất để nội dung hợp đồng thương mại chỉ ghi khối lượng hàng hóa là 15.015 kg, còn lại 15.000 kg để ngoài hợp đồng và không khai báo với cơ quan Hải quan, mục đích để K hưởng lợi phần thuế không phải nộp của số hàng thừa.

Ngày 27/9/2023, Bùi Minh K đại diện Công ty B ký Hợp đồng thương mại số 44A/2023BS với Công ty DONGGUAN ZENGYANG IMPORT AND EXPORT TRADING CO.LTD của Trung Quốc và được cung cấp Hóa đơn thương mại số 44A/2023BS ghi khối lượng hàng hóa 15.015 kg. Đến ngày 09/10/2023, A Minh gọi qua Wechat thông báo cho K biết ngày 10/10/2023 sẽ giao toàn bộ 30.015 kg ống thép không gỉ của Sơn cho K và A Minh chịu trách nhiệm vận chuyển hàng sang cửa khẩu H cho K theo thỏa thuận. Căn cứ vào hóa đơn thương mại, sáng ngày 10/10/2023 K dùng pháp nhân của Công ty B mở Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 105778252420 trên Hệ thống Hải quan điện tử ghi khối lượng ống thép không gỉ là 15.015 kg, nhưng không kê khai 15.000 kg cùng chủng loại còn lại. Sau đó K giao cho nhân viên Công ty là Dương Thanh T, sinh năm 1998, trú tại đường Lê Hồng P, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đến Chi cục Hải quan cửa khẩu H làm thủ tục xác nhận tờ khai nhập khẩu 15.015 kg ống thép không gỉ. Trước đó, K thuê xe ô tô BKS 98H - 016.70 kéo theo rơ moóc BKS 98R-023.85 của Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để vận chuyển hàng từ cửa khẩu H về Hà Nội giao cho Nguyễn Minh S, C cho lái xe là Đỗ Văn H điều khiển xe đến cửa khẩu H để vận chuyển hàng cho K.

Khi hàng hóa được nhập khẩu, do hàng hóa của K có cùng kích cỡ, chủng loại và được hệ thống phân luồng tự động thuộc luồng vàng nên cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu H thực hiện kiểm tra hồ sơ và soi chiếu hàng hóa xác định chỉ có 01 mặt hàng như khai báo, không kiểm tra thực tế trọng lượng hàng hóa. Sau đó, K cho sang tải 30.015 kg ống thép không gỉ từ xe ô tô Trung Quốc sang xe ô tô do H điều khiển tại bãi xe Công ty cổ phần Hữu Nghị X.

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 10/10/2023, khi H vận chuyển về đến Q gần khu vực bến xe P, thuộc địa bàn thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và đỗ lại để ăn uống thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện, tạm giữ hàng hóa và phương tiện.

Cáo trạng số 28/CT-VKSLS-P1 ngày 21-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Bùi Minh K về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo khoản 2 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Minh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản khai đầy đủ có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh S thể hiện anh đã nhận đủ số tiền 454.125.000 đồng do bị cáo Bùi Minh K bồi thường, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

Những người làm chứng ông Nguyễn Văn C, anh Đỗ Văn H, chị Dương Thanh T tuy vắng mặt nhưng tại các bản khai trong hồ sơ vụ án thể hiện đúng như nội dung đã tóm tắt ở trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi

Minh K phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Áp dụng khoản 2 Điều 189, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Minh K, xử phạt bị cáo từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về thỏa thuận dân sự: Trước phiên tòa bị cáo và nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Minh S đã thỏa thuận với nhau về trách nhiệm bồi thường dân sự, ông Nguyễn Minh S đã nhận được toàn bộ số tiền bồi thường là 454.125.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước số hàng hóa 15.000 kg ống thép đang tạm giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Minh S, người làm chứng ông Nguyễn Văn C, anh Đỗ Văn H, chị Dương Thanh T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, những người này đều đã có bản khai trong hồ sơ vụ án, căn cứ quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn dân sự và người làm chứng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Minh K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 10-10-2023 Bùi Minh K đã có hành vi vận chuyển trái phép 15.000 kg ống thép không gỉ dùng làm nguyên liệu sản xuất khớp nối, ký hiệu TP316L, KT: 19,1 mm +/-10% dài 6020 mm +/-10%, từ Trung Quốc về Việt nam qua cửa khẩu Hữu Nghị không có hóa đơn chứng từ. Số tang vật phạm pháp được vận chuyển trên xe ô tô đầu kéo BKS 98H - 016.70 kéo theo rơ moóc BKS 98R - 023.85 do Đỗ Văn H điều khiển, khi đến địa phận thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ Công tác đội Q thuộc Cục Q tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt giữ, kết quả định giá tài sản xác định 15.000 kg ống thép không gỉ có giá trị 499.537.500 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Bùi Minh K về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại khoản 2 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội,

đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế xuất - nhập khẩu của Nhà nước, các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được hành vi vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo Bùi Minh K là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài tình tiết định khung bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo đã tham gia một số hoạt động thiện nguyện tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về việc bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường cho nguyên đơn dân sự thấy rằng đây không phải tình tiết giảm nhẹ khắc phục, bồi thường hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng nhưng ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, bản thân bị cáo có nghề nghiệp kinh doanh, có thu nhập, hiện đang là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và xuất nhập khẩu B, bị cáo Bùi Minh K đã nộp được số tiền 200.000.000 đồng vào Cục T tỉnh Lạng Sơn để đảm bảo thi hành án. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, có điều kiện để thi hành trong trường hợp bị xử phạt tiền nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[7] Tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về yêu cầu dân sự: Trong quá trình điều tra nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Minh S yêu cầu bị cáo Bùi Minh K có trách nhiệm bồi thường đối với 15.000 kg ống thép không gỉ theo Hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa số 01/2023/HĐVC ngày 25-9-2023 đã đang bị cơ quan thu giữ. Tại Biên bản nhận tiền ngày 20-02-2024 và Đơn xin xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Minh S thể hiện thể hiện bị cáo Bùi Minh K đã bồi thường xong toàn bộ số tiền là 454.125.000 đồng cho ông Nguyễn Minh S, tại phiên tòa bị cáo đề Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường trên.

[9] Về xử lý vật chứng: Số hàng hóa 15.000 kg ống thép không gỉ có nói

hàn là tang vật của vụ án nên tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với Nguyễn Minh S là người đặt mua 30.015 kg ống thép không gỉ với A Minh, đồng thời thuê Bùi Minh K làm thủ tục nhập khẩu và vận chuyển ống thép không gỉ từ Trung Quốc về Việt Nam theo giá trọn gói, Nguyễn Minh S không biết K khai báo gian dối số lượng hàng hóa để hưởng lợi tiền thuế, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[11] Đối với người đàn ông Trung Quốc có tên là A Minh, do Bùi Minh K và Nguyễn Minh S đều không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[12] Đối với Nguyễn Văn C, Đỗ Văn H là người vận chuyển hàng hóa thuê cho K; Dương Thanh T là người được K cử đến xin xác nhận thông quan đối với tờ khai. Cả ba người đều không biết việc K khai báo gian dối số lượng hàng hóa nhập khẩu, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[13] Đối với Công chức Hải quan được phân công giám sát lô hàng nhập khẩu theo Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 105778252420, do lô hàng được Hệ thống Hải quan tự động phân luồng vàng, chỉ kiểm tra chi tiết hồ sơ, không phải kiểm tra thực tế hàng hóa, hàng hóa được soi chiếu đúng chủng loại, nên cán bộ Hải quan không biết việc khai báo gian dối hàng hóa nhập khẩu của K, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự. Tại Kiến nghị số 09/KN-VKSLS-P1 ngày 27-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu H xem xét trách nhiệm của công chức hải quan trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hàng hóa không phát hiện 15.000 kg thép không khai báo hải quan.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[15] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; do bị cáo và nguyên đơn dân sự đã thỏa thuận và thực hiện xong việc bồi thường thiệt hại, đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[16] Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, Điều 293, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm f

khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Bùi Minh K phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Minh K 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Bùi Minh K đã nộp để bảo đảm thi hành án là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006175 ngày 27-02-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Bùi Minh K còn phải nộp tiếp số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Bùi Minh K và nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Minh S, cụ thể như sau: Bị cáo Bùi Minh K đã bồi thường cho ông Nguyễn Minh S số tiền 454.125.000 đồng (bốn trăm năm mươi tư triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Xử lý vật chứng:

Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 15.000 kg (mười năm nghìn kilôgram) ống thép không gỉ có nối hàn, mặt cắt ngang hình tròn, được hàn nối dọc theo chiều dài dùng làm nguyên liệu sản xuất khớp nối, ký hiệu TP316L, KT: 19,1 mm+/- 10%, dài 6020 mm +/- 10%, mới 100%, xuất xứ Trung Quốc (số cân giao nhận thực tế được tính theo Phiếu cân xe số 20240222-148 đối với xe tải 12H-01637 và Phiếu cân xe số 2024222-149 đối với xe tải 12H-00260 ngày 22-02-2024, đã trừ bì xe ô tô).

(Vật chứng trên đang lưu giữ tại Cục T tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 02 năm 2024)

5. Về án phí:

Bị cáo Bùi Minh K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT, CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục T tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ